

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Phù Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án Chuyển đổi cây trồng trên đất dốc
huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24/3/2014; Quyết định số 1006/QĐ-BNN ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 541-KL/HU ngày 30/5/2017 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phù Yên về chủ trương chuyển đổi cây trồng cây trồng trên đất dốc giai đoạn 2017 - 2020;

Xét Tờ trình số: 180 /TTr-UBND ngày 15 /6/2017 của UBND huyện Phù Yên; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-KTXH ngày 25/6/2017 của Ban kinh tế HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020 (Có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2 Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Đại biểu HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 giám sát thực hiện nghị quyết;

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND; TT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Các CQ, ĐV, các xã, thị trấn (t/h);
- Lưu: VT, (H02-200 bản).



CHỦ TỊCH



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020
*(Kèm theo Nghị quyết Số: 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2017
của HĐND huyện Phù Yên)*

Phần I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13;
- Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24/3/2004;
- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn;
- Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020;
- Thông báo Kết luận số 121-TB/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La về một số chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc đến năm 2020;
- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2021;
- Thông báo Kết luận số 618-TB/TU ngày 27/12/2016 của Thường trực Tỉnh ủy Sơn La tại Hội nghị đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12.9.2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và Hội thảo về trồng cây ăn quả trên đất dốc;
- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức hỗ trợ cải tạo vườn tạp và trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La;
- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về thông qua Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;
- Quyết định điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Phù Yên;
- Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Phù Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Phù Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt

dự án Quy hoạch sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và bố dân cư huyện Phù Yên đến năm 2020;

- Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của HĐND huyện Phù Yên khoá XIX - kỳ họp thứ 10, phê chuẩn phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 huyện Phù Yên;

- Thông báo Kết luận số 541-KL/HU ngày 30/5/2017 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phù Yên về chủ trương chuyển đổi cây trồng trên đất dốc giai đoạn 2017 - 2020;

2. Cơ sở thực tiễn

Những năm qua các cấp uỷ Đảng, Chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cùng với sự vào cuộc của các ngành, đoàn thể và sự đồng thuận, tích cực ủng hộ của nhân dân trên địa bàn huyện Phù Yên sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản ngày một phát triển. Giai đoạn 2011 - 2015 giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản đạt 2.839 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 9,6% năm. công tác thu hút đầu tư được quan tâm và thu được kết quả khá. Trên địa bàn huyện đã hình thành một số cụm công nghiệp với các nhà máy như: Nhà máy giày da Ngọc Hà, Nhà máy gạch Tuynel, Nhà máy may Phù Yên, ... thu hút và tạo việc làm cho hàng nghìn lao động có thu nhập ổn định, trực tiếp làm thay đổi chuyển một bộ phận lao động từ nông nghiệp sang lao động công nghiệp. Qua đó làm giảm diện tích canh tác nương rẫy, đất dốc.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi cây trồng trên đất dốc, trên địa bàn huyện đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất phát triển cây ăn quả đạt hiệu quả kinh tế cao như: HTX trồng cam Văn Yên (xã Mường Thái), Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hồng Long đã có một số sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị. Nhiều hộ gia đình ở xã Mường Cơi, Mường Thái đã có thu hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ việc trồng cây ăn quả có múi.

Tuy nhiên, hiện nay thực hiện chuyển đổi cây trồng trên đất dốc của huyện chưa mạnh, chưa cụ thể, chưa tập trung; phát triển sản xuất nông sản hàng hoá chưa tương xứng với tiềm năng, quy mô sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; năng suất, chất lượng, giá trị và thu nhập còn thấp, sức cạnh tranh hạn chế; sản xuất phát triển chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Việc tham gia các chuỗi giá trị sản phẩm còn hạn chế chưa thực sự trở thành sản phẩm hàng hóa có hiệu quả bền vững. Nhiều nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, sản xuất vẫn mang tính tự cung, tự cấp, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Nguyên nhân chủ yếu: Nhận thức về chuyển đổi cây trồng trên đất dốc của một số cấp uỷ, chính quyền và nhân dân còn hạn chế, chưa coi trọng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hoá; trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa quyết liệt, thiếu chủ động, sáng tạo; tư duy sản xuất quy mô nhỏ, dựa vào kinh nghiệm truyền thống chậm được thay đổi. Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi hạn chế; chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ phục vụ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa thực hiện tốt khâu giống, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất. Việc thu hút doanh nghiệp, HTX đầu tư, tạo liên kết trong sản xuất, chế biến

và tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh; xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó địa hình, điều kiện tự nhiên không thuận lợi. Cạnh tranh trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngày càng gay gắt, nhất là thị trường; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp.

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại và phát huy tốt kết quả đạt được nêu trên. Nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của tỉnh về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, chuyển đổi cây trồng trên đất dốc theo Thông báo số 121-TB/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Sơn La; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Việc xây dựng và trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết thông qua Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020 là thực sự cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT DỐC HUYỆN PHÙ YÊN NĂM 2016

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT DỐC

1. Diện tích và sản lượng

Năm 2016, toàn huyện có 20.607,37 ha đất dốc canh tác cây nông nghiệp (trong đó: Ngô 12.490 ha, lúa nương 1.300 ha, sắn 4.000,3 ha, đậu tương 250 ha, chè 334ha, cây trồng khác, đất trồng kém hiệu quả 2243,07ha); có 1.234,07 ha cây ăn quả (chủ yếu là: Xoài 210,78 ha; nhãn 263,31 ha; chuối 313,64 ha; cam 162,68 ha; bưởi 97,06 ha, vải 62,52), chiếm 6,8% diện tích cây trồng trên đất dốc, sản lượng quả các loại đạt khoảng 11.920 tấn. Diện tích cây ăn quả các loại 1.234,07 ha, sản lượng các loại quả chủ yếu đạt 11.920 tấn (Phụ biểu số 02 kèm theo).

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trên đất dốc

Các giống cây trồng nói chung, giống cây ăn quả nói riêng được cung ứng cho người sản xuất trên địa bàn huyện chủ yếu theo 02 hình thức: Tổ chức, cá nhân tự ươm giống hoặc nhập giống từ các địa phương ngoài huyện. Hiện nay, trên địa bàn huyện chỉ có 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp (Công ty TNHH nhà nước 1 thành viên lâm nghiệp Phù Yên); có 1 số hộ tham gia buôn bán nhỏ lẻ, chưa có cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây ăn quả.

3. Một số mô hình phát triển trồng cây trên đất dốc

- Trên địa bàn huyện đã có một số mô hình canh tác đất dốc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hiệu quả kinh tế cao như: Trồng cam - bưởi, nhãn chín muộn, Xoài Đài Loan, trồng măng sặt, ... tạo ra sản phẩm có giá trị mang tính đặc trưng của huyện có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường.

Năm 2016, toàn huyện đã có 02 HTX và doanh nghiệp trồng cây ăn quả được cấp giấy chứng nhận VIETGAP, tham gia 02 chuỗi cung ứng, tiêu thụ sản

phẩm quả an toàn (quả Bưởi của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hồng Long, cam của HTX trồng cam Văn Yên).

4. Bảo quản, chế biến

Trên địa bàn huyện chưa có cơ sở chế biến, các sản phẩm vẫn chủ yếu tiêu thụ theo dạng tươi thô. Sản lượng các loại sản phẩm chủ yếu của huyện như: Cam quả khoảng 3.000 tấn/năm, bưởi khoảng 880 tấn/năm, xoài khoảng 1.680 tấn/năm, nhãn khoảng 3.510 tấn/năm, chuối khoảng 2.850 tấn/năm, ...

5. Về chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng trên đất dốc

Hiện nay có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất như: Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với việc tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của UBND tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Sơn La (sản xuất nông nghiệp tốt VIETGAP); Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong đó có các dự án đầu tư trong bảo quản, chế biến quả; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 64 huyện nghèo; Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn; Quyết định số 1460/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình” thuộc tỉnh Sơn La giai đoạn II; Quyết định số 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu dưới tán cây ăn quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021, ...

6. Tình hình tiêu thụ

6.1. Các kênh thu mua, tiêu thụ

Hình thức tiêu thụ chủ yếu các loại sản phẩm sản xuất trên đất dốc nói chung, các loại quả nói riêng được bán trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện.

Số lượng các loại sản phẩm được bán ra thông qua các hợp đồng tiêu thụ để phục vụ cho chế biến thành phẩm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với lượng sản phẩm được sản xuất trên địa bàn huyện.

6.2. Công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm

Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm bước đầu đã được quan tâm, triển khai đạt hiệu quả nhất định như: Tham gia một số hội chợ

trong và ngoài tỉnh (sản phẩm cam, quýt tham gia hội chợ "Đặc sản vùng miền" tại Vincom Mega Mall Royal City Số 72^a Nguyễn Trãi - Hà Nội); Hội chợ triển lãm Nông nghiệp tại 489 - Hoàng Quốc Việt, Hà Nội)

Công tác xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu đang được giao cho các Phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và PTNT) tham mưu xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai thực hiện.

6.3. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

Công tác quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ một cách có hiệu quả. Đến nay đã cơ bản hoàn thành công tác rà soát, lập danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện (có 720 cơ sở, có 66 cơ sở được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm). Việc xây dựng và nhân rộng mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản được chứng nhận VIETGAP tiếp tục được chỉ đạo triển khai. Tuy nhiên, trên địa bàn vẫn còn tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ quá giới hạn cho phép ở một số cá nhân, hộ gia đình gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và chất lượng sản phẩm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Bước đầu hình thành vùng cây ăn quả tập trung: cam, quýt, bưởi, chanh leo vùng Mường; Nhãn, Xoài, chuối, dứa ... các xã vùng Huy và vùng lòng hồ Sông Đà, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và cho năng suất cao. Cây ăn quả đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, giá trị thu nhập trên 1 ha canh tác cao hơn các loại cây trồng khác.

Trong phát triển sản xuất cây trồng nói chung, cây ăn quả nói riêng. Công tác quản lý Nhà nước từng bước được tăng cường và đã thu được kết quả nhất định; Công tác kiểm tra, kiểm soát các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống và sản phẩm được quan tâm tăng cường.

2. Hạn chế, yếu kém

Diện tích sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, phân tán; chuyển dịch cơ cấu sản xuất mang tính tự phát, tiềm ẩn nhiều yếu tố kém bền vững; chất lượng cây giống chưa đồng đều; số lượng, chất lượng cũng như mẫu mã sản phẩm chưa đáp ứng nhu cầu thị trường.

Việc tuân thủ đúng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt theo VietGAP hoặc những quy trình sản xuất tương tự còn thấp kể cả quy mô diện tích cũng như sản lượng sản phẩm sản xuất do đó chưa có sức thu hút, cạnh tranh cao trên thị trường.

Thiết lập các mối liên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế, mang tính tự phát, chủ yếu vẫn phụ thuộc vào tư thương; trên địa bàn chưa hình thành hệ thống vận chuyển, xử lý, phân loại, đóng gói, tiêu thụ sản phẩm và tiếp thị mở rộng thị trường.

Các sản phẩm chưa có chỉ dẫn địa lý, chưa có hệ thống bảo quản, chế biến sản phẩm nên sản phẩm nhanh xuống cấp, chất lượng hạn chế.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT ĐỐC HUYỆN PHÙ YÊN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Chuyển đổi cây trồng trên đất dốc của huyện theo hướng chuyên canh, gắn kết giữa sản xuất với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, nguồn nhân lực; Phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

- Xây dựng được vùng sản xuất tập trung gắn với ứng dụng công nghệ cao; Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích trồng và phát triển một số loại cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương.

- Hình thành một số cơ sở bảo quản sản phẩm mang tính chủ lực của huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chuyển đổi 3.907,98 diện tích đất dốc đang canh tác (ngô, sắn, lúa) kém hiệu quả, đất trồng thực hiện theo chủ trương chuyển đổi cây trồng trên đất dốc của tỉnh và của huyện giai đoạn 2017 - 2020. Giá trị sản xuất 01 ha trồng cây ăn quả áp dụng theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự đến năm 2020 đạt trên 200 triệu đồng/ha/năm.

- Phấn đấu hết năm 2017: Các xã thực hiện 288,78 ha, đạt 7,4% diện tích chuyển đổi.

+ Năm 2018: Thực hiện 1.291,2 ha, đạt 33,0 % diện tích chuyển đổi.

+ Năm 2019: Thực hiện 1.234,5 ha, đạt 31,6 % diện tích chuyển đổi.

+ Năm 2020: Thực hiện 1.093,5 ha, đạt 28,0 % diện tích chuyển đổi.

- Hình thành và phát triển một số loại quả có tính cạnh tranh cao, có khả năng xuất khẩu.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT ĐỐC GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

1. Phát triển diện tích, sản lượng cây trồng

- Đến năm 2020, có 3.907,98 ha đất dốc (chiếm 18,9 % diện tích đất dốc toàn huyện) được chuyển đổi sang trồng mới cây ăn quả và cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao, sản lượng quả thu hoạch đạt 21.873,0 tấn. Trong đó có 30% diện tích cây ăn quả, cây trồng mới được công nhận áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp; Có 565,0 ha cây ăn quả an toàn, sản lượng 1.948,0 tấn quả an toàn. (Phụ biểu 03, 04, 05 kèm theo)

Diện tích cây ăn quả (Nhãn. Xoài) hiện có được ghép cải tạo đạt 85%. Đến năm 2020 có 3.050,88 ha cây ăn quả trồng mới,

2. Phát triển cây trồng rải vụ, trái vụ

- Phát triển cây trồng rải vụ, trái vụ nhằm làm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Đến năm 2020 diện tích cây ăn quả trồng rải vụ, trái vụ trên địa bàn huyện đạt 725 ha (gồm cam 160 ha, nhãn 345 ha, xoài 220 ha); sản lượng quả 2.520 tấn.

- Diện tích cây trồng rải vụ, trái vụ tập trung tại các xã vùng Mường, vùng 6 Huy và các xã vùng lòng hồ Sông Đà.

3. Về giống cây trồng

- Tiến hành bình tuyển để phát hiện, duy trì và bảo tồn các cây trồng đầu dòng, qua đó nhân giống cung cấp cho nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân xây dựng 1 - 2 vườn cây giống. Đồng thời tăng cường quản lý việc cung ứng cây giống trên địa bàn theo quy định.

4. Về bảo quản, chế biến

- Hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng một số cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm trên địa bàn huyện. Trong đó ưu tiên cho vùng sản xuất tập trung cây ăn quả như: Cam, bưởi ở vùng Mường; nhãn, xoài ở vùng 6 Huy và vùng lòng hồ sông Đà.

5. Về xúc tiến thương mại, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất, hộ gia đình, các trang trại thường xuyên tham gia các hội chợ, hội thi, lễ hội do tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT, các tỉnh, thành trong nước tổ chức nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng nhãn hiệu cho một số sản phẩm chủ lực của huyện, tập trung ưu tiên cho cây ăn quả như: Cam, bưởi, nhãn, xoài,...

6. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại các viện nghiên cứu trong và ngoài nước cho cán bộ công chức, viên chức một số cơ quan, đơn vị chuyên môn của huyện nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn.

- Đào tạo nông dân điển hình là các hộ có khả năng tiếp thu, đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, biết truyền đạt kinh nghiệm sản xuất cho các hộ khác trong địa phương.

- Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản sản phẩm cho các hộ sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tập huấn kỹ thuật chuyên sâu, thăm quan các mô hình sản xuất trong và ngoài huyện để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm tăng cường phát triển sản xuất.

7. Thủy lợi và nước tưới

Sử dụng nguồn nước tự nhiên tại chỗ để tưới, xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt ISRAEL, tưới phun, ...

8. Phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm.

Có giải pháp khuyến khích các tổ chức, Doanh nghiệp và cá nhân ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm tại các vùng sản xuất tập trung.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư: 81.059,85 triệu đồng (Biểu 06 kèm theo)

Trong đó:

- Cây giống: 71.809,85 triệu đồng
- Đầu tư khác: 9.250,0 triệu đồng

1.1. Ngân sách Nhà nước: 35.000 triệu đồng, gồm:

- Đào tạo, tập huấn, học tập mô hình.
- Hỗ trợ cây giống trồng mới, đón ghép cây ăn quả.
- Bình tuyến, duy trì cây đầu dòng, xây dựng mô hình trình diễn.
- Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận công nhận áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các vùng sản xuất trên địa bàn huyện.
- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng sản xuất tập trung.
- Xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm.
- Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm, tem nhãn sản phẩm.
- Hỗ trợ xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến các loại sản phẩm, cơ sở sản xuất cây giống trên địa bàn huyện.
- Thực hiện các chương trình, đề tài, đề án nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sản xuất, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

1.2. Vốn tự có và vốn vay của tổ chức, cá nhân: 48.059,85 triệu đồng

Triển khai các chương trình, dự án, phương án trồng, bảo quản, chế biến quả trên địa bàn huyện.

2. Nguồn vốn cụ thể

- Vốn ngân sách tỉnh: Nguồn vốn thông qua chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu dưới tán cây ăn quả trên địa bàn tỉnh (theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh); Hỗ trợ cải tạo vườn tạp và trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh);

- Nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ các dự án, phương án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ quả, xây dựng cánh đồng mẫu lớn

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động, kinh phí khuyến nông, vốn các tổ chức phi chính phủ và các nguồn khác thực hiện các nội dung về đào tạo, tập huấn, thăm quan, xây dựng mô hình trình diễn.

- Nguồn vốn hỗ trợ sản xuất thuộc Đề án “*Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình*” thuộc tỉnh Sơn La giai đoạn III theo Quyết định số 1460/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện các dự án phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng (*công trình thủy lợi, giao thông, ..*) vùng sản xuất quả.

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các chương trình, đề tài, đề án nghiên cứu khoa học lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ quả.

- Nguồn vốn hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP đối với 62 huyện nghèo của cả nước.

- Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến quả theo quy định của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, xúc tiến thương mại.

- Vốn tự có của các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cá nhân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Vốn vay của các tổ chức tín dụng và các nguồn hợp pháp khác.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN

1. Chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

- Chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng (*giao thông, thủy lợi, xử lý chất thải,...*) vùng sản xuất, bảo quản, chế biến tập trung, quy mô lớn.

- Chương trình hỗ trợ ghép, cải tạo cây ăn quả trên diện tích hiện có.

- Chương trình hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất quả trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình xây dựng mô hình trình diễn sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm quả đáp ứng các điều kiện và quy mô theo quy định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh.

- Dự án, đề tài, đề án nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ quả.

- Chương trình hỗ trợ xây dựng, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm quả của tỉnh.

- Dự án quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm quả.

- Chương trình hỗ trợ áp dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt, làm nhà kính, nhà lưới trong sản xuất quả.

2. Chương trình, dự án đầu tư

Mời gọi các nhà đầu tư tham gia các chương trình của tỉnh như:

- Dự án trồng 8.340 ha cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.
- Dự án ghép cải tạo 7.000 ha cây ăn quả trên địa bàn tỉnh, tập trung vào ghép các loại cây: Nhãn, xoài, ...
- Dự án sản xuất kinh doanh giống cây ăn quả.
- Dự án xây dựng nhà máy, cơ sở bảo quản, chế biến quả.

V. CÁC GIẢI PHÁP

1. Về tuyên truyền, phổ biến

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, phổ biến chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển cây trồng trên đất dốc nói chung, cây ăn quả nói riêng như: Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2021; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về thông qua Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Thông báo Kết luận số 121-TB/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La về một số chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc đến năm 2020; Nội dung kế hoạch chuyển đổi cây trồng trên đất dốc, kết quả phát triển cây ăn quả của tỉnh, của huyện đến cán bộ, công nhân viên chức và mọi tầng lớp nhân dân.

- Biên tập tài liệu tuyên truyền, phổ biến về các mô hình, cơ chế chính sách chuyển đổi cây trồng trên đất dốc, phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh, huyện; Công nghệ ứng dụng trong bảo quản, chế biến sản phẩm, giới thiệu kỹ thuật sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây ăn quả.

2. Về quy hoạch

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất tập trung của huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt, đề xuất xây dựng mới các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành quản lý gắn với chiến lược, nhiệm vụ phát triển cây trồng trên đất dốc; Tăng cường công tác quản lý, giám sát và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch.

3. Giải pháp về đất đai

- Diện tích chưa quy hoạch: Tiến hành rà soát, khoanh vùng, phân loại hiện trạng cây trồng; phân tích thành phần cơ giới đất (lý, hoá), phân loại đất thích hợp, đánh giá điều kiện khí hậu, nguồn nước, thủy lợi phục vụ sản xuất. Thông qua kết quả phân loại, đánh giá đất để đưa vào quy hoạch đất chuyển đổi trồng cây ăn quả có đủ điều kiện tự nhiên, xã hội đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích chuyển đổi những diện tích cây trồng khác có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây ăn quả; Khuyến khích dồn điền đổi thửa, tích tụ đất trồng cây ăn quả theo quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý, giám việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng đất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng chợ đầu mối các loại quả, vườn sản xuất giống, cơ sở bảo quản sản phẩm và các công trình phụ trợ khác.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư phát triển cây ăn quả, cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, xây dựng cơ sở sản xuất giống, nhà xưởng, nhà kho bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

4. Giải pháp về vốn

- Lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình Nông thôn mới, 30a, 1460, 135, ...); chương trình khuyến nông, khuyến lâm; chương trình, dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn,...

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách huyện hàng năm để triển khai các chương trình, cơ chế chính sách, xây dựng các mô hình sản xuất.

- Kêu gọi thu hút đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở nghiên cứu ứng dụng, phát triển sản xuất, dịch vụ trên địa bàn huyện.

5. Về cơ chế, chính sách

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện có của Trung ương, các Bộ ngành và của tỉnh về hỗ trợ, khuyến khích trồng, thâm canh cây ăn quả, sơ chế, bảo quản và chế biến quả.

- Nghiên cứu, thực hiện và đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi bổ sung, ban hành các chính sách hỗ trợ trồng, thâm canh phát triển cây ăn quả; sơ chế, bảo quản, chế biến phù hợp với điều kiện của tỉnh, của huyện quy định của pháp luật. Phát triển cây ăn quả tập trung, áp dụng đúng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; thu hút sử dụng nhân lực trong sản xuất, bảo quản, chế biến.

6. Công tác quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm.

- Thường xuyên tổ chức thực hiện công tác kiểm tra việc sản xuất kinh doanh giống cây trồng, cây ăn quả, kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, ... Nhằm hạn chế các loại giống cây trồng, cây ăn quả, vật tư nông nghiệp kém chất lượng, ngoài danh mục lưu thông trên thị trường.

- Kiểm tra, giám sát các cơ sở chế biến, bảo quản, kinh doanh quả nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nhất sản phẩm nhập khẩu. Xây dựng chuỗi các cửa hàng kinh doanh quả chất lượng cao, có nguồn gốc xuất xứ.

- Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông; hệ thống bảo vệ thực vật; hệ thống quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, cũng như các dịch vụ nông nghiệp khác trên địa bàn.

7. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại các sản phẩm cây trồng, cây ăn quả của huyện gắn với chương trình của tỉnh.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, quy cách theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Phát triển, mở rộng thị trường sản phẩm quả tại các khu du lịch, các đô thị, khu dân cư lớn.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư các vùng nguyên liệu, thực hiện ký kết hợp đồng chuỗi giá trị sản phẩm, tạo nguồn hàng ổn định phục vụ cho chế biến và xuất khẩu.

- Tổ chức kết nối giữa người sản xuất với các đơn vị bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông sản.

8. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm

- Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống cơ sở hạ tầng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong chọn tạo, sản xuất cây giống, bảo vệ thực vật, kiểm tra chất lượng giống, phân bón, các sản phẩm sản xuất.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa và xây dựng mới công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

- Sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hệ thống giao thông nội đồng phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

9. Cơ giới hoá

Mở rộng sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện cho các tổ chức sản xuất và nông dân thực hiện việc bảo quản, chế biến từng bước áp dụng cơ giới hoá theo quy trình từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển - tiêu thụ sản phẩm.

Biểu 01

TỔNG HỢP

Diện tích các loại cây trồng trên đất dốc toàn huyện năm 2017

(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020)

TT	Tên xã	Tổng số	Loại cây trồng					Cây trồng khác, đất trồng kém hiệu quả
			Trong đó					
			Ngô	Sắn	Lúa nương	Đậu tương	Chè	
1	2	(4+5+6+7+8+9)	4	5	6	7	8	9
1	Huy Thượng	321.8	50	81	20	14	-	156.8
2	Huy Tân	249.4	157	50	11	30	-	1.4
3	Quang Huy	305.1	50	100	120	3	-	32.1
4	Huy Bắc	133.7	23.5	50	23	3	-	34.2
5	Huy Hạ	220.8	-	45	-	3	-	172.8
6	Huy Tường	340.4	100	80	14	-	-	146.4
7	Tường Phù	207.8	54.4	66.8	-	-	-	86.6
8	Gia Phù	296.7	50	120	-	100	-	26.7
9	Tường Thượng	427	80	150	47.8	10	-	139.2
10	Tường Hạ	359.5	98	155.5	-	10	-	96
11	Tường Tiến	670.2	300	290	50	20	-	10.2
12	Tường Phong	611.7	270	240	30	-	-	71.7
13	Tân Phong	521.13	423.5	60	25	-	-	12.63
14	Nam Phong	920.3	665	90	70	-	-	95.3
15	Bắc Phong	865.5	561.8	175	-	-	-	128.7
16	Đá Đỏ	993.8	700	200	10	-	-	83.8
17	Sập Xa	706.76	235	340	-	-	-	131.76
18	Kim Bon	1,591.55	1,200	80	200	10	-	101.55
19	Suối Bau	1,541.90	1,306.40	90	100	12	-	33.5
20	Suối Tọ	1,278.04	560	300	334.2	-	-	83.84
21	Mường Thái	850.49	710.4	110	4	-	6	20.09
22	Mường Cơi	2,027.00	1,300	407	8	-	158	154
23	Tân Lang	1,352.00	800	295	2	3	145	107
24	Mường Lang	1,230.00	800	240	31	22	-	137
25	Mường Do	1,266.80	916	140	100	-	25	85.8
26	Mường Bang	1,318.00	1,079	45	100	10	-	94
	Cộng	20,607.37	12,490	4,000.30	1,300.00	250	334	2,243.07

Biểu 2

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ HIỆN CÓ NĂM 2016
(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc giai đoạn 2017 - 2020 của HĐND huyện Phù Yên)

ĐVT: Ha

TT	Tên xã	Các loại cây ăn quả															
		Tổng cộng	Xoài	Nhãn	Chuối	Cam	Bưởi	Quýt	chanh	Mận, mơ	Đào	Ổi	Vải	Thanh long	Na	Mít	Táo
1	Thị Trấn	6.96	2.87	1.51	1.25	0.09	0.11		0.12	0.01	0.13		0.19			0.42	0.26
2	Mường Do	41.86	4.43	4.4	1.61	8.83	10.79	0.03	5.26	2.14	2.14	0.52	0.95			0.76	
3	Mường Bang	31.18	6.02	2.81	3.46	1.98	4.95		2.87	2.76	1.94	0.86	2.13			1.35	0.05
4	Mường Lang	19.34	3.73	1.86	6.8	2.02	1.07	0.17	0.24	0.13			1.55			1.66	0.11
5	Tân Lang	72.97	1.94	2.89	19.64	7.97	31.48	0.35	0.39	0.27	2.93		2.86	0.3		1.77	0.18
6	Mường Cơi	84.12	3.63	3.27	3.81	23.67	30.82	11.61	0.55	0.98			2.38			3.28	0.12
7	Mường Thái	139.6	5.03	5.99	1.22	114.62	4.17	0.72	1.66	1.48	2.57	0.04	1.09	0.05		0.92	0.04
8	Huy Thượng	57.92	1.47	17.1	18.95		0.6		1.4	0.3			17.1			1	
9	Quang Huy	8.93	0.3	2.7	2.5	0	0.2	0	0.2	0.1	0.1	0.15	2	0	0.2	0.32	0.16
10	Huy Tân	25.93	4.7	7.4	3.8	0.22	1.27		0.49	0.53			4.5			2.7	0.32
11	Huy Bắc	31.63	4.34	11.54	10.18		1.13		1.15	0.72	0.81		1.69				0.07
12	Huy Hạ	59.66	4.85	21.65	23.04	0.3	2.2		0.73	0.16	0.09	0.04	1.94		0.2	3.55	0.91
13	Huy Tường	35.96	6.32	13.41	4.26	0.21	0.95		0.48	0.15	0.38		4.49			5.19	0.12
14	Tường Phù	54.95	19.35	10.37	13.04		2.14		0.35	0.07	0.1		3.9	0.25		5.32	0.06
15	Gia Phù	126.87	16.85	19.02	72.13	0.39	2.59	0.24		1.32	1.56		7	0.5	0.92	3.53	0.82
16	Tường Thượng	40.93	6.93	13.09	15.13				1.3				1.21	0.01	0.17	2.21	0.88
17	Tường Hạ	23.88	4.81	10.53	5.8	0.13	0.25		0.44	0.03			2.81		0.13	1.36	0.4
18	Tường Tiến	17.34	4.91		9.42		0.64		0.75		0.59			0.2		0.71	0.12
19	Tường Phong	51.52	11.92	29.19	5.19	0.14	0.9	0.07	0.35				1.86			1.9	

TT	Tên xã	Các loại cây ăn quả															
		Tổng cộng	Xoài	Nhãn	Chuối	Cam	Bưởi	Quýt	chanh	Mận, mơ	Đào	ổi	Vải	Thanh long	Na	Mít	Táo
20	Tân Phong	47.69	10.81	21.82	11.1	0.06	0.45		0.3	0.26			1.16		0.57	1.04	0.12
21	Nam Phong	23.96	5.35	6.85	9.68		0.35		0.19	0.41			0.27			0.83	0.03
22	Bắc Phong	62.47	23.55	17.28	13.77	0.05			0.04	0.04			2.15		0.59	4.97	0.03
23	Sập Xa	31.98	9.28	7.7	14.68				0.02	0.3							
24	Đá Đỏ	95.5	29.3	29.4	25.91					5			2.1			3.79	
25	Kim Bon	3.31	0.91	0.4	0.92					1.08							
26	Suối Bau	35.3	17.18	1.13	16.17					0.82							
27	Suối Tọ	2.31			0.18	2				0.13							
	Tổng	1,234.07	210.78	263.31	313.64	162.68	97.06	13.19	19.28	19.19	13.34	1.61	62.52	1.31	2.78	48.58	4.80

Biểu 03

DỰ KIẾN**Diện tích chuyển đổi cây trồng trên đất dốc giai đoạn 2017 - 2020***(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020)*

Đơn vị tính: Ha

TT	Tên xã	DT đất canh tác hiện có	Số khoảnh	Số tiểu khu	Tổng DT dự kiến chuyển đổi	Trong đó					
						Đất trồng ngô	Đất trồng sắn	Đất lúa nương	Đất trồng đậu tương	Đất trồng chè	Đất kém hiệu quả
1	Huy Thượng	321.8	2,3,4,5,8,9,10,11,13	465	81	10	15	-	-	-	56
2	Huy Tân	249.4	3,4,11,	466	51.4	30	20	-	-	-	1.4
3	Quang Huy	305.1	2,3,4,	452	75	15	20	10	-	-	30
4	Huy Bắc	133.7	1,2,3,4	463.464	67.5	10	25	-	-	-	32.5
5	Huy Hạ	220.8	1,1A,2,3	461,471A	154.5	-	30	-	-	-	124.5
6	Huy Tường	340.4	3,5,6	471	145	20	20	-	-	-	105
7	Tường Phù	207.8	1,3,5	470	111	15	15	-	-	-	81
8	Gia Phù	296.7	3,5,7,8	469	74	10	30	-	10	-	24
9	Tường Thượng	427	1,3,5	479	166.6	15	40	10	-	-	101.6
10	Tường Hạ	359.5	1,2,3	484.491	80	10	10	-	-	-	60
11	Tường Tiến	670.2	1,5,6	481A,493A,	94.9	30	50	5	-	-	9.9
12	Tường Phong	611.7	7,8,9,10,11	481.494	117.6	22.6	30	5	-	-	60
13	Tân Phong	521.13	2,4,7,10	495.504	112.8	75.5	20	5	-	-	12.3
14	Nam Phong	920.3	4,6,7,8,9	498.503	135.5	40	20	5	-	-	70.5
15	Bắc Phong	865.5	A,B,C,D,H,E	500A,501	172.23	30	46.23	-	-	-	96
16	Đá Đỏ	993.8	1,3,2,4,6,	488.492	158.45	40	50.35	-	-	-	68.1
17	Sập Xa	706.76	3,5,6,8	467A,478A,	161.3	26.8	30	-	-	-	104.5

TT	Tên xã	DT đất canh tác hiện có	Số khoảnh	Số tiểu khu	Tổng DT dự kiến chuyển đổi	Trong đó					
						Đất trồng ngô	Đất trồng sắn	Đất lúa nuơng	Đất trồng đậu tương	Đất trồng chè	Đất kém hiệu quả
18	Kim Bon	1,591.55	1,2,3,6,7,8	500A,492	168	40	20	20	-	-	88
19	Suối Bau	1,541.90	2,3,5	457.48	221.5	140	20	30	-	-	31.5
20	Suối Tọ	1,278.04	2,4,5	449.45	196.4	50	40	40	-	-	66.4
21	Mường Thái	850.49	2a,3,7,9,10	447.454	148.8	89	40	-	-	-	19.8
22	Mường Cơi	2,027.00	1,2,3,6,7,8,14,53,	456,460,455	286.2	60	112	-	-	-	114.2
23	Tân Lang	1,352.00	1,2,3,4,5,6,7,8	461A,466	268.9	70.9	84	-	-	20	94
24	Mường Lang	1,230.00	2,3,5,6,7,8	467.47	253.4	78	53.4	10	5	-	107
25	Mường Do	1,266.80	1A,2,3,5,7	472B,483A	214	74	50	10	-	-	80
26	Mường Bang	1,318.00	1,2,3,5,7,9,10,18	485,487,496	192	74	20	10	-	-	88
	Tổng	20,607.37			3,907.98	1,075.80	910.98	160.0	15.0	20.0	1,726.20

Biểu 4

DỰ KIẾN DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CHUYỂN ĐỔI CHI TIẾT ĐẾN XÃ

(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020)

Đơn vị tính: ha

Đơn vị tính: ha													
TT	TÊN XÃ	Tổng	Các loại cây trồng										
			Nhãn	Xoài	Cam	Bưởi	Dược Liệu	Lâm nghiệp	Chanh leo	chuối	Sơn tra	Mãng sặt	Mận
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Huy Thượng	81	30	40			11						
2	Huy Tân	51.4	35.4	16						36		25	
3	Quang Huy	75		14								5	
4	Huy Bắc	67.5	35	27.5									
5	Huy Hạ	154.5	106.5	48									
6	Huy Tường	145	74	43				28					
7	Tường Phù	111	50	61									
8	Gia Phù	74	45	29									
9	Tg. Thượng	166.6	81	50.6				35					
10	Tường Hạ	80	20	40						20			
11	Tường Tiến	94.9		10				84.9					
12	Tường Phong	117.6	40	49.6				18		10			
13	Tân Phong	112.8	40	42.8				30					
14	Nam Phong	135.5	30	48.5				40		17			
15	Bắc Phong	172.23	56.23	66				20		30			
16	Đá Đỏ	158.45	98.1	60.35									
17	Sập Xa	161.3	50	83.9						27.4			
18	Kim Bon	168					60		50	20		38	
19	Suối Bau	221.5		20		17	10	100	20	30.5		24	
20	Suối Tọ	196.4					46.4	50	10		90		
21	Mường Thái	148.8			63.5	19	16.3						50
22	Mường Cơi	286.2			62	128.5		70	25.7				
23	Tân Lang	268.9			183.3	65.6			20				
24	Mg. Lang	253.4	50		33	63.4	22		60	25			
25	Mường Do	214			59.8	44.2	30	15	50			15	
26	Mg. Bang	192	34	20.5	30	24	20	30	10	10		13.5	
	Tổng toàn huyện	3,907.98	875.23	770.75	431.60	361.70	215.70	520.90	245.70	225.90	90.00	120.50	50.00

Biểu 5

**DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CHUYÊN ĐỔI
CHIA THEO NĂM**

(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020)

TT	Loại cây trồng	ĐVT	Tổng DT,SL từng loại cây	Diện tích các năm (theo Đề án)			
				2017	2018	2019	2020
I	Cây ăn quả						
	Diện tích	ha	3,050.88	288.78	961.5	918	882.6
	Sản lượng	tấn	21,873.0	-	2,872.00	5,547.00	13,454.0
1	Cây Nhãn						
	- Diện tích	ha	875.23	52.23	275	273	275
	- Sản lượng	tấn	2,454.0	-	-	-	2,454
2	Cây Xoài						
	- Diện tích	ha	770.75	55.25	233	238	244.5
	- Sản lượng	tấn	1,729.0	-	-	-	1,729
3	Cây Cam, Quýt						
	- Diện tích	ha	431.6	80.1	131	110	110.5
	- Sản lượng	tấn	1,266.0	-	-	-	1,266
4	Cây Bưởi						
	- Diện tích	ha	361.7	91.2	98.5	95	77
	- Sản lượng	tấn	948.0	-	-	-	948
5	Cây Chuối		0.0				
	- Diện tích	ha	225.9		76	80	69.9
	- Sản lượng	tấn	4,582.0		912	1,872	1,798
6	Cây Sơn Tra						
	- Diện tích	ha	90.0	10	30	30	20
	- Sản lượng	tấn		-	-	-	-
7	Cây Chanh Leo						
	- Diện tích	ha	245.7	0	98	77	70.7
	- Sản lượng	tấn	10,794.0	-	1,960.00	3,675.00	5,159
8	Cây Mận						
	- Diện tích	ha	50.0	0	20	15	15
	- Sản lượng	tấn	100.0	-	-	-	100
II	Cây dược liệu						
	- Diện tích	ha	215.7	0	86.7	84	45
	- Sản lượng	tấn	3,235.5	-	1,300.50	1,260	675
III	Cây Măng Sặt						
	- Diện tích	ha	120.5	0	44	51.5	25
	- Sản lượng	tấn	1,300.0	-	220	477.5	602.5
IV	Cây Lâm nghiệp						
	- Diện tích	ha	520.9		199	181	140.9
	Tổng cộng	ha	3,907.98	288.78	1,291.20	1,234.50	1,093.50

Biểu 6

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ ĐẦU TƯ
Đề án chuyển đổi cây trồng giai đoạn 2017 - 2020

(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên giai đoạn 2017 - 2020)

TT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Trong đó chia theo các năm				Ghi chú (Đầu tư cây giống)
				2017	2018	2019	2020	
A	GIỐNG CÂY TRỒNG	Tr.đ	71,809.85	6,778.12	23,631.64	22,399.59	19,000.50	
I	Cây ăn quả	Tr.đ	56,653.75	6,778.12	17,671.00	16,471.30	15,733.33	
1	Cây Nhãn							
	- Diện tích	ha	875.23	52.23	275	273	275	
	- Kinh phí	Tr.đ	10,502.76	626.76	3,300	3,276	3,300	chi tiết tại Biểu 07
2	Cây Xoài							
	- Diện tích	ha	770.75	55.25	233	238	244.5	
	- Kinh phí	Tr.đ	9,293.20	707.2	2796	2856	2934	nt
3	Cây Cam, Quýt							
	- Diện tích	ha	431.60	80.1	131	110	110.5	
	- Kinh phí	Tr.đ	16,573.44	3,075.84	5,030.40	4,224.00	4,243.20	nt
4	Cây Bưởi							
	- Diện tích	ha	361.70	91.2	98.5	95	77	
	- Kinh phí	Tr.đ	9,259.52	2,334.72	2,521.60	2,432.00	1,971.20	nt
5	Cây Chuối							
	- Diện tích	ha	225.90		76	80	69.9	
	- Kinh phí	Tr.đ	5,692.68		1,915.20	2,016.00	1,761.48	nt
6	Cây Sơn Tra							
	- Diện tích	ha	90.00	10	30	30	20	
	- Kinh phí	Tr.đ	302.40	33.6	100.8	100.8	67.2	nt
7	Cây Chanh Leo							

TT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Trong đó chia theo các năm				Ghi chú (Đầu tư cây giống)
				2017	2018	2019	2020	
	- Diện tích	ha	245.70		98	77	70.7	
	- Kinh phí	Tr.đ	4,299.75		1,715.00	1,347.50	1,237.25	nt
8	Cây Mận							
	- Diện tích	ha	50.00		20	15	15	
	- Kinh phí	Tr.đ	730.00		292	219	219	nt
II	Cây được liệu							
	- Diện tích	ha	215.70	0	86.7	84	45	
	- Kinh phí	Tr.đ	10,785.00	0	4,335.00	4,200.00	2,250.00	nt
III	Cây Măng Sặt							
	- Diện tích	ha	120.50	0	44	51.5	25	
	- Kinh phí	Tr.đ	2,620.88	0	957	1120.125	543.75	nt
IV	Cây Lâm nghiệp							
	- Diện tích	ha	520.90	0	199	181	140.9	
	- Kinh phí	Tr.đ	1,750.22	0	668.64	608.16	473.42	nt
B	ĐẦU TƯ KHÁC		9,250	1,500	3,650	1,550	2,550	
1	Đồn ghép cây ăn quả	Tr.đ	4,200	1,200	1,000	1,000	1,000	
2	Đào tạo, tập huấn	Tr.đ	500	50	150	150	150	
3	Bình tuyển cây giống	Tr.đ	150	50	100	-	-	
4	Hỗ trợ cấp chứng nhận	Tr.đ	700	100	200	200	200	
5	Xúc tiến thương mại	Tr.đ	700	100	200	200	200	
6	Nhãn hiệu sản phẩm	Tr.đ	2,000	-	1,000	-	1,000	
7	Cơ sở bảo quản, chế biến	Tr.đ	1,000	-	1,000	-	-	
	Tổng kinh phí		81,059.85	8,278.12	27,281.64	23,949.59	21,550.50	

Biểu 07**DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO TỪNG LOẠI CÂY/1HA**

(Kèm theo Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên
giai đoạn 2017 - 2020)

TT	Loại cây	ĐVT	Số lượng cây/ha	Đơn giá	Thành tiền(đồng)
1	Nhãn	cây	400	30,000	12,000,000
2	Xoài	cây	400	32,000	12,800,000
3	Cam	cây	1,200	32,000	38,400,000
4	Bưởi	cây	800	32,000	25,600,000
5	Chanh leo	cây	500	35,000	17,500,000
6	Chuối	cây	2,100	12,000	25,200,000
7	Sơn Tra	cây	1,600	2,090	3,344,000
8	Mận	cây	730	20,000	14,600,000
9	Dược liệu	Kg	2,500	20,000	50,000,000
10	Lâm nghiệp	cây	1,600	2,100	3,360,000
11	Măng Sặt	Hom	1,450	15,000	21,750,000

giai đoạn 2017 - 2020

Xét và trình số: 180/Tr-UBND ngày 13/8/2017 của UBND huyện Phù Yên,
Ban chấp hành số 41/BC-KHXH ngày 23/6/2017 của Ban chấp hành HĐND huyện và
gắn liền hiện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất dốc huyện Phù Yên
giai đoạn 2017 - 2020 (Cổ Đề án chuyển đổi).

Điều 2 Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Đại biểu HĐND huyện khóa XXI,
nhiệm kỳ 2016 - 2021 giám sát thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2016 -
2021, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày
được thông qua.

Nơi nhận bản:

- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT, BU, UBND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Các CC, DV, các xã, thị trấn (v/v);
- Lưu VT, (HĐ 2017/P).

